

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trị

Năm 2025, công tác quản lý nhà nước về đầu tư công với sự điều hành của Huyện ủy, UBND huyện được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ và bám sát kế hoạch đã đề ra, nên việc tổ chức triển khai, thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm đạt được những kết quả khả quan. Tính từ đầu năm đến nay đã triển khai thực hiện 98 công trình (trong đó có 32 công trình chuyển tiếp) với tổng nguồn vốn đầu tư là **444.425** triệu đồng, giải ngân đến ngày 05/06/2025 là 75.339 triệu đồng, đạt 16,95% so với kế hoạch vốn, ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 119.212 triệu đồng, đạt 26,82% so với kế hoạch, chia theo từng nguồn vốn như sau:

I. NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ

Tổng vốn đầu tư do huyện quản lý là **290.492** triệu đồng, xây dựng 95 công trình, đã giải ngân đến ngày 05/06/2025 đạt 68.800 triệu đồng, đạt 23,68% so với kế hoạch vốn, ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 112.316 triệu đồng, đạt 38,66% so với kế hoạch, phân theo từng nguồn vốn như sau:

1. Vốn đầu tư: tổng vốn giao 233.227 triệu đồng, giải ngân đến ngày 05/06/2025 là 50.763 triệu đồng, đạt 21,77% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 là 64.332 triệu đồng, đạt 27,6% so với kế hoạch vốn, chia ra:

1.1. Vốn ngân sách tỉnh trợ cấp có mục tiêu: 55.608 triệu đồng, giải ngân đến ngày 05/6/2025 là 9.053 triệu đồng, đạt 16,28% kế hoạch, trong đó:

- Kế hoạch vốn giao năm 2025 từ nguồn vốn xổ số kiến thiết: 33.700 triệu đồng, triển khai thực hiện 01 công trình khởi công mới và 05 công trình chuyển tiếp, giải ngân 7.480 triệu đồng, đạt 22,2% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 12.981 triệu đồng, đạt 38,52% so với kế hoạch.

- Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025: 21.908 triệu đồng, giải ngân 1.573 triệu đồng, đạt 7,18% kế hoạch.

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: (số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

- **Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 4.272 triệu đồng (Kế hoạch vốn giao năm 2025 NSTW là 2.400 triệu đồng, Ngân sách huyện đối ứng là 240 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 1.620 triệu đồng, ngân sách huyện 12 triệu đồng). Thực hiện đến 05/6/2025 giải ngân 3.216 triệu đồng, đạt 75,3% so với kế hoạch.



- **Dự án 4:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 11.405 triệu đồng (Kế hoạch vốn giao năm 2025 NSTW là 8.244 triệu đồng, Ngân sách huyện đối ứng là 3.096 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 65 triệu đồng), triển khai thực hiện khởi công mới 05 công trình và 07 công trình chuyển tiếp, giải ngân 4.122 triệu đồng, đạt 36,15% kế hoạch vốn, ước thực hiện đến 30/6/2025 giải ngân 5.361 triệu đồng, đạt 47% so với kế hoạch.

1.3. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: (số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

Nguồn ngân sách trung ương là 2.245 triệu đồng, triển khai thực hiện 01 công trình khởi công mới và 01 công trình chuyển tiếp (Kế hoạch vốn giao năm 2025 NSTW là 2.074 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 171 triệu đồng), giải ngân 1.743 triệu đồng, đạt 77,65% kế hoạch.

Nguồn ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) là 131.790 triệu đồng, triển khai thực hiện 14 công trình khởi công mới và 05 công trình chuyển tiếp (Kế hoạch vốn giao năm 2025 là 129.659 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 2.131 triệu đồng), giải ngân 16.855 triệu đồng, đạt 12,79% kế hoạch. ước thực hiện đến 30/6/2025 giải ngân 24.642 triệu đồng, đạt 18,7% so với kế hoạch. Được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (đợt 3, đợt 4) tại Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 08/04/2025 và Quyết định số 1222/ QĐ-UBND ngày 22/5/2025 với kế hoạch vốn là 118.000 triệu đồng nên tiến độ giải ngân thấp hơn so với kế hoạch.

1.4. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 25.170 triệu đồng, xây dựng 05 công trình và 04 công trình chuyển tiếp), giải ngân 13.303 triệu đồng, đạt 52,85% so với kế hoạch, ước giải ngân đến 30/06/2025 đạt 56,6 % so với kế hoạch.

1.5. Thu tiền sử dụng đất: 2.400 triệu đồng, thực hiện 02 công trình chuyển tiếp, giải ngân 2.131 triệu đồng, đạt 88,79% so với kế hoạch.

1.6. Nguồn tiết kiệm chi năm 2023 (Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025): Tổng kế hoạch vốn kéo dài là 338,248 triệu đồng, giải ngân 338,248 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

2. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư (số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

2.1. Kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất lúa: 28.837 triệu đồng, triển khai 22 công trình, giải ngân 8.744 triệu đồng, đạt 30,32% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 27.972 triệu đồng, đạt 97% so với kế hoạch.

2.2. Kinh phí thực hiện Hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025: 5.128 triệu đồng, triển khai 03 công trình, giải ngân 554 triệu đồng,

đạt 10,8% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 2.480 triệu đồng, đạt 48, 4% so với kế hoạch.

2.3. Kinh phí Sự nghiệp kiến thiết thị chính: 10.900 triệu đồng, triển khai 05 công trình, giải ngân 7.293 triệu đồng, đạt 66,9% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 10.150 triệu đồng, đạt 93,12% so với kế hoạch.

2.4. Kinh phí Sự nghiệp giao thông: 2.400 triệu đồng, triển khai 02 công trình, giải ngân 1.440 triệu đồng, đạt 60% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 1.800 triệu đồng, đạt 75% so với kế hoạch.

2.5. Kinh phí Sự nghiệp giáo dục: 6.000 triệu đồng, triển khai 06 công trình, giải ngân 6 triệu đồng, đạt 0,11% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 5.582 triệu đồng, đạt 93,04% so với kế hoạch.

2.6. Kinh phí Sự nghiệp giáo dục: 4.000 triệu đồng, triển khai 01 công trình, dự kiến đến ngày 30/6/2025 bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

II. NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ

Tổng vốn do tỉnh quản lý là **153.933 triệu đồng**, thực hiện đầu tư 01 công trình khởi công mới và 02 công trình chuyển tiếp. giải ngân 6.539 triệu đồng, đạt 4,25% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân 6.896 triệu đồng, đạt 4,5% kế hoạch.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 1, 2)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Kế hoạch đầu tư năm 2025 có những thuận lợi hơn so với các năm trước do được giao vốn sớm. Trong 06 tháng đầu năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (đợt 3, đợt 4) tại Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 08/04/2025 và Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 với kế hoạch vốn là 118.000 triệu đồng. Công tác quản lý đầu tư công trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm hỗ trợ từ sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện; sự đồng thuận của các cấp, ngành và sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn. Ủy ban nhân dân huyện đã có nhiều văn bản chỉ đạo về giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 (Công văn 181/UBND-TCKH ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì về việc xây dựng lộ trình và cam kết tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì; Công văn 593/UBND-TCKH ngày 28/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì về việc xây dựng bổ sung lộ trình và cam kết tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì; ...). Các chủ đầu tư, UBND các xã, thị trấn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc hoàn thành các thủ tục và triển khai thực hiện. Các dự án sử dụng nguồn phân cấp ngân sách huyện hầu hết có quy mô nhỏ, ít vướng giải phóng mặt bằng, ... nên việc triển khai thực hiện thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, năm 2025 là năm có nhiều khó khăn, thách thức: Khối lượng công việc nhiều hơn, ngoài việc điều hành kế hoạch năm của các dự án đã có trong trung hạn, các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện, giải ngân dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm kế hoạch năm 2025 và số vốn các năm chưa giải ngân được cho phép chuyển nguồn sang năm 2025); Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trị, do đó khối lượng công việc tăng phải thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu báo cáo của ngành cấp trên để đảm bảo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp đưa vào hoạt động; Các yếu tố như giá cả nguyên, nhiên, vật liệu dự báo biến động khó lường, tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng, thi công của các nhà thầu...; Các khó khăn vướng mắc trong phương án đền bù, giải phóng mặt bằng vẫn chưa được giải quyết dứt điểm; Trong các tháng đầu năm, các dự án khởi công mới triển khai thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán, mới đủ điều kiện tổ chức đấu thầu xây lắp hoặc mua sắm nên tỷ lệ giải ngân đạt thấp; Công tác quyết toán hồ sơ đối với công trình hoàn thành còn chậm theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu trên địa bàn huyện Thạnh Trị./. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TV. UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- Lưu VP (VT-NC; TC-KH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Chúc





BÁO CÁO TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Đơn vị: Huyện Thanh trì

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ	500.426	387.160	1.856	51.322	333.983	330.647	3.336	57.302	4.830	52.472	52.258		14,80	71.228	18,4	
I	Ngân sách tỉnh quản lý	275.000	153.933	0	26.933	127.000	127.000		6.539	467	6.073	6.073		4,25	6.896	4,5	
	Dự án chuyển tiếp	150.000	55.000	0	0	55.000	55.000		5.430	0	5.430	5.430		9,87	5.430	9,9	
*	Vốn ngân sách trung ương	150.000	40.000	0	0	40.000	40.000		5.430		5.430	5.430		13,57	5.430	13,6	
1	Đường Nguyễn Huệ, Thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trì	150.000	40.000			40.000	40.000		5.430		5.430	5.430		13,57	5.430	13,6	
*	Vốn cân đối ngân sách địa phương	0	15.000		0	15.000	15.000		0	0	0	0		0,00	0	-	
	Đường Nguyễn Huệ, Thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trì		15.000			15.000	15.000		0		0			0,00		-	
*	Nguồn vốn Xã số kiến thiết	125.000	98.933		26.933	72.000	72.000		1.110	467	643	643	0	1,12	1.467	1,5	
	Dự án chuyển tiếp	35.000	26.933		26.933	0	0		467	467	0	0		1,73	467	1,7	
1	Đường huyện 65 nối tiếp	35.000	26.933		26.933	0			467	467	0			1,73	467	1,7	
	Dự án khởi công mới	90.000	72.000		0	72.000	72.000		643	0	643	643		0,89	1.000	1,4	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện		Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
I	Cầu Phú Lộc kết nối Quốc lộ 61B và kết nối các tuyến đường trung tâm huyện Thạnh Trị	90.000	72.000			72.000	72.000		643		643	643		0,89	1.000	1,4	
II	Ngân sách cấp huyện quản lý	225.426	233.227	1.856	24.389	206.983	203.647	3.336	50.763	4.363	46.400	46.186		21,77	64.332	27,6	
*	Ngân sách tỉnh trợ cấp mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn xổ số kiến thiết	70.600	55.608		21.908	33.700	33.700		9.053	1.573	7.480	7.480		16,28	12.981	23,3	
	Dự án chuyển tiếp	62.600	47.608		21.908	25.700	25.700		9.053	1.573	7.480	7.480		19,02	12.981	27,3	
1	Trường tiểu học Phú Lộc 1	14.000	8.000			8.000	8.000		2.506		2.506	2.506		31,33	2.506	31,3	
2	Xây dựng mới Trường mầm non Lâm Tân	14.900	14.839		5.939	8.900	8.900		4.902		4.902	4.902		33,04	4.902	33,0	
3	Xây dựng phòng học trường mầm non Vĩnh Lợi	14.900	5.969		5.969	0			1.573	1.573	0			26,35	1.573	26,4	
4	Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8 huyện Thạnh Trị	9.400	9.400		5.000	4.400	4.400		36		36	36		0,38	2.000	21,3	
5	Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Thạnh Trị	9.400	9.400		5.000	4.400	4.400		36		36	36		0,38	2.000	21,3	
	Dự án khởi công mới	8.000	8.000		0	8.000	8.000		0	0	0	0		0,00		-	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
6	Trạm y tế thị trấn Phú Lộc	8.000	8.000			8.000	8.000		0		0			0,00			Đã đề xuất dừng chủ trương đầu tư
*	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	21.435	15.677	1.685	12	13.980	10.644	3.336	7.339	1.632	5.706	5.492	144	46,81	8.577	54,7	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		4.272	1.620	12	2.640	2.400	240	3.216	1.632	1.584	1.440	144	75,28	3.216	75,3	
	Thị trấn Phú Lộc		88			88	80	8	88		88	80	8	100,00	88	100,0	
	Thị trấn Hưng Lợi		1.648	636,199		1.012	920	92	1.032	636	396	360	36	62,63	1.032	62,6	
	xã Châu Hưng		336	160		176	160	16	248	160	88	80	8	73,81	248	73,8	
	xã Vĩnh Thành		124	80		44	40	4	124	80	44	40	4	100,00	124	100,0	
	xã Thanh Tân		176			176	160	16	176		176	160	16	100,00	176	100,0	
	xã Thanh Trị		132	120	12	0		0	132	132	0			100,00	132	100,0	
	xã Tuân Tức		1.244	320		924	840	84	892	320	572	520	52	71,70	892	71,7	
	xã Lâm Tân		500	280		220	200	20	500	280	220	200	20	100,00	500	100,0	
	xã Lâm Kiệt		24	24		0			24	24	0			100,00	24	100,0	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	21.435	11.405	65	0	11.340	8.244	3.096	4.122	0	4.122	4.052		36,15	5.361	47,0	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện		Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
	Dự án chuyển tiếp	11.423	1.394	65	0	1.329	1.329	0	1.102	0	1.102	1.102	79,09	1.102	79,1		
7	Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp	1.673	1.329			1.329	1.329		1.102		1.102	1.102	82,94	1.102	82,9		
8	Cầu kênh 10 Thước 1	1.140	2	2		0					0						
9	Cầu kênh Huyện Tự	1.199	1	1		0					0						
10	Lộ kênh Ba Huê	2.131	3	3		0					0						
11	Lộ Ttrung Thống - Tân Định	3.060	7	7		0					0						
12	Lộ kênh ông Cua, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị	1.698	3	3		0					0						
13	Cầu Kênh Ranh Kinh Ngay 2 - 23	522	47	47		0					0						
	Dự án khởi công mới	10.012	10.011		0	10.011	6.915	3.096	3.020	0	3.020	2.950	30,17	4.259	42,5		
14	Cầu kênh nhà ông Út Em	570	570			570	518	52	182		182	182	31,97	300	52,6		
15	Lộ ấp số 9 (nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	247	247			247	224	23	223		223	223	90,28	223	90,3		
16	Lộ ấp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn ần - nhà ông Thạch Mứng)	3.621	3.620			3.620	3.291	329	979		979	979	27,04	1.650	45,6		
17	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lê - giáp ấp Kinh Ngay 2)	1.890	1.890			1.890	1.718	172	450		450	450	23,81	900	47,6		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
18	Lộ Bình Thới	3.684	3.684			3.684	1.164	2.520	1.186		1.186	1.116	70	32,19	1.186	32,2	
*	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	19.626	2.245	171	0	2.074	2.074	0	1.743	0	1.743	1.743		77,65	1.743	77,7	
	Dự án chuyển tiếp	19.317	1.964	171	0	1.793	1.793		1.743	0	1.743	1.743		88,76	1.743	88,8	
19	Lộ B1 - Tân Lợi, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị	7.704	10	10		0					0						
20	Lộ kênh ông Thái	2.940	2	2		0					0						
21	Lộ ấp Tà Điếp C1-C2	3.324	78	78		0					0						
22	Đường Lát Chiều nối tiếp	703	28	28		0					0						
23	Cầu ông Thanh	703	42	42		0					0						
24	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng, xã Lâm Tân (8054454)	234	2	2		0					0						
25	Hệ thống đèn thấp sáng đường quê, xã Lâm Kiết (8054811)	234	2	2		0					0						
26	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Vĩnh Lợi (8086467)	535	7	7		0					0						
27	Lộ Cầu Miếu (giáp Mỹ Bình)	2.940	1.793			1.793	1.793		1.743		1.743	1.743		97,21	1.743	97,2	
	Dự án khởi công mới	309	281	0	0	281	281	0	0	0	0	0	0	0,00	0	-	
28	Nâng cấp sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Kiết Nhất A	309	281			281	281				0			0,00		-	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
*	Ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	33.305	131.790		2.131	129.659	129.659		16.855	819	16.036	16.036	0	12,79	24.642	18,7	
	Dự án chuyển tiếp	21.091	2.131		2.131	0	0		819	819	0	0		38,46	819	38,5	
29	Đường chùa lộ mới, xã Lâm Tân	5.250	725		725	0			0		0			0,00		-	
30	Cầu chùa và đường Xóm phố đầu nối huyện lộ 61	6.048	1.197		1.197	0			813	813	0			67,96	813	68,0	
31	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu	8.743	156		156	0			0		0			0,00		-	
32	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Nghĩa	525	28		28	0			3	3	0			10,78	3	10,8	
33	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Lộc	525	25		25	0			3	3	0			11,89	3	11,9	
	Dự án khởi công mới	12.214	129.659	0	0	129.659	129.659	0	16.036	0	16.036	16.036	0	12,37	23.823	18,4	
34	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân Thắng - Tân Phước	12.214	11.659			11.659	11.659		3.238		3.238	3.238		27,77	3.238	27,8	
35	Nâng cấp mở rộng chợ Phú Lộc và chợ Hưng Lợi		10.500			10.500	10.500		0		0			0,00	1.400	13,3	
36	Lộ ấp 17 - ấp 20 đến 16/1 xã Vĩnh Thành		10.000			10.000	10.000		484		484	484		4,84	1.500	15,0	
37	Lộ Kim Cù, xã Vĩnh Thành		6.000			6.000	6.000		16		16	16		0,27	700	11,7	
38	Nâng cấp, mở rộng Lộ Trung Thống - Tân Định (Nối tiếp giai đoạn 2), xã Tuấn Túc		7.500			7.500	7.500		2.226		2.226	2.226		29,68	2.226	29,7	
39	Nâng cấp, mở rộng lộ Công Diển, thị trấn Phú Lộc		14.000			14.000	14.000		3.350		3.350	3.350		23,93	3.350	23,9	
40	Nâng cấp, mở rộng Lộ Thanh Diển - Bảo Lớn, thị trấn Phú Lộc		3.000			3.000	3.000		891		891	891		29,70	891	29,7	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện		Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
41	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu treo Trương Hiền đến cầu treo Rẫy Mới, xã Thanh Trì		9.000			9.000	9.000		334		334	334		3,71	1.200	13,3	
42	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu Máy Dốc đến Kinh Cùi, xã Thanh Trì		9.000			9.000	9.000		2.572		2.572	2.572		28,58	2.572	28,6	
43	Nâng cấp, mở rộng Đường kênh 14/9, xã Lâm Tân		19.000			19.000	19.000		541		541	541		2,85	2.000	10,5	
44	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu nối tiếp, xã Lâm Tân		5.500			5.500	5.500		1.246		1.246	1.246		22,65	1.246	22,7	
45	Nâng cấp lộ Tà Niên - nhà ông Tư Thắng, xã Thanh Trì		12.000			12.000	12.000		516		516	516		4,30	1.500	12,5	
46	Xây mới cầu Đập Đá áp Rẫy Mới, xã Thanh Trì		3.000			3.000	3.000		142		142	142		4,73	500	16,7	
47	Nâng cấp, mở rộng lộ Tà Điệp C1 - Tà Điệp C2 nối tiếp kết nối đường huyện 61		9.500			9.500	9.500		480		480	480		5,05	1.500	15,8	
*	Vốn cân đối ngân sách địa phương	26.080	25.170		0	25.170	25.170		13.303	0	13.303	13.303		52,85	14.257	56,6	
	Dự án khởi công mới	12.121	12.121	0	0	12.121	12.121	0	956	0	956	956	0	7,89	1.910	15,8	
48	Lộ Trung Thống - Tân Định (giai đoạn 2)	2.473	2.473			2.473	2.473		648		648	648		26,20	1.250	50,5	
49	Cầu kênh ông Thái	1.310	1.310			1.310	1.310		308		308	308		23,51	660	50,4	
50	Cầu kênh Xóm Cá	1.200	1.200			1.200	1.200							0,00		-	
51	Lộ Hai Vọng - Ba Kiệu	6.388	6.388			6.388	6.388							0,00		-	
52	Lộ Bảo Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	750	750			750	750							0,00		-	
	Dự án chuyển tiếp	13.959	13.049		0	13.049	13.049		12.347	0	12.347	12.347		94,62	12.347	94,6	
53	Lộ kênh Xóm Cá (bên sông)	3.200	1.748			1.748	1.748		1.745		1.745	1.745		99,83	1.745	99,8	
54	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà ông Lùng)	3.465	1.284			1.284	1.284		1.219		1.219	1.219		94,94	1.219	94,9	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05/06/2025					Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú	
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân		Tỷ lệ (%)
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
55	Lộ liên ấp Kiệt Bình - Kiệt Thông	7.294	2.228			2.228	2.228		2.228		2.228		100,00	2.228	100,0		
56	Xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa tỉnh Sóc Trăng		7.789			7.789	7.789		7.155		7.155		91,86	7.155	91,9		
*	Vốn thu tiền sử dụng đất		2.400		0	2.400	2.400		2.131	0	2.131	2.131	88,79	2.131	88,8		
	Lộ liên ấp Kiệt Bình - Kiệt Thông		1.337			1.337	1.337		1.068		1.068	1.068	79,88	1.068	79,9		
	Xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa tỉnh Sóc Trăng		1.063			1.063	1.063		1.063		1.063	1.063	100,00	1.063	100,0		
*	Nguồn tiết kiệm chi	54.380	338		338	0	0		338	338	0	0	100,00	338	100,0		
	Xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa tỉnh Sóc Trăng	54.380	338		338,24776	0			338	338,24776	0		100,00	338	100,0		



Phụ lục 2

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 105/BC-UBND, ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ		57.265	18.037	31,50	47.984	83,8	
I	Kinh phí thực hiện hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất lúa năm 2025 (kinh phí bảo vệ đất trồng lúa theo nghị định số 112/2024/NĐ – CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ)	Ban QLDA	28.837	8.744	30,32	27.972	97,0	
1	Nạo vét hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Vĩnh Lợi, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị		1.133	455		1.099		
2	Nạo vét hệ thống thủy lợi trên địa bàn ấp Trung Thành, Trung Thống, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị		1.319	472		1.280		
3	Nạo vét hệ thống thủy lợi trên địa bàn ấp Trung Bình, Trung Hòa, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị		1.048	399		1.016		
4	Nạo vét hệ thống thủy lợi thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị		1.398	543		1.356		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Nạo vét hệ thống kênh ấp Mây Dốc, Trương Hiền, Rẫy mới, ấp 22, Tà Lọt A, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị		1.095	421		1.062		
6	Nạo vét hệ thống thủy lợi ấp Tà Niên, Tà Lọt, xã Thạnh Trị		1.034	421		1.003		
7	Nạo vét hệ thống thủy lợi xã Vĩnh Thành, huyện Thạnh Trị		1.050	419		1.019		
8	Nạo vét hệ thống thủy lợi xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị		1.141	452		1.107		
9	Nạo vét kênh Thầy Ban, xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị		1.131	422		1.097		
10	Nạo vét hệ thống thủy lợi ấp Tân Lợi - Tân Thắng, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị		646	258		626		
11	Nạo vét kênh Chín Sạn, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị		717	272		695		
12	Nạo vét hệ thống kênh Lúa Cá - Lâm Trường, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị		495	95		480		
13	Nạo vét hệ thống kênh Lô - 3 Hôi, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị		896	371		869		
14	Nạo vét hệ thống thủy lợi ấp Kiết Lợi, Kiết Thắng, xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị		1.073	419		1.041		
15	Nạo vét hệ thống thủy lợi ấp Kiết Hòa, Kiết Bình, xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị		1.241	489		1.204		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Nạo vét hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị		1.282	498		1.244		
17	Nạo vét kênh Ranh, xã Lâm Tân		875	343		849		
18	Nạo vét hệ thống kênh Lộ Tàn Dù – kênh Bà Mển, xã Châu Hưng		1.352	506		1.311		
19	Nạo vét kênh Rạch Chóc, xã Lâm Tân - Thạnh Tân		1.060	407		1.028		
20	Nạo vét hệ thống kênh Ba Cựa - Tư Lê - Ba Cảo, xã Thạnh Tân		1.095	388		1.062		
21	Nạo vét kênh Ngọn Tà Âu, xã Thạnh Tân		1.256	488		1.218		
22	Sửa chữa, bảo dưỡng đường cánh đồng mẫu		6.500	208		6.305		
II	Kinh phí thực hiện Hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025	Ban QLDA	5.128	554	10,80	2.480	48,4	
23	Xây dựng trạm bơm điện kênh Lô 2		2.018	115		718		
24	Xây dựng trạm bơm điện kênh Lô 1		2.045	116		728		
25	Cải tạo, sửa chữa các trạm bơm điện trên địa bàn huyện Thạnh Trị		1.065	323		1.033		
III	KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	10.900	7.293	66,90	10.150	93,12	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	Duy trì chăm sóc cảnh quan và hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí huyện năm 2025		1.500	450		750		
27	Trang trí hoa tết 2025		500	500		500		
28	Bảo dưỡng, sửa chữa vỉa hè Đường tỉnh 937B trước UBND thị trấn Hưng Lợi		1.150	1.093		1.150		
29	Bảo dưỡng, sửa chữa các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thị trấn Phú Lộc		4.500	4.275		4.500		
30	Bảo dưỡng, sửa chữa vỉa hè, hệ thống chiếu sáng trung tâm thị trấn Hưng Lợi		3.250	975		3.250		
IV	Kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2025	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	2.400	1.440	60,00	1.800	75,00	
31	Nâng cấp, sửa chữa cầu Út Xiếu, xã Vĩnh Lợi		1.200	600		600		
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Văn Ngọc Chính nối dài, hẻm trước Huyện ủy, hẻm 10, thị trấn Phú Lộc		1.200	840		1.200		
V	Kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2025	Phòng Giáo dục và Đào tạo	6.000	6,847	0,11	5.582	93,04	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
33	Bảo dưỡng, sửa chữa trường Mầm non Hoa Hồng, Mầm non Hưng Lợi, Mầm non Lâm Tân (điểm Kiết Lập B) và Mầm non Tuấn Túc (điểm lẻ Trung Thành)		1.220	1,285		1.144		
34	Bảo dưỡng, sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Lợi và Trường Tiểu học Vĩnh Thành		840	1,040		781		
35	Bảo dưỡng, sửa chữa trường Tiểu học Thạnh Trị 1 và trường Tiểu học Lâm Tân 1		1.000	1,153		932		
36	Bảo dưỡng, sửa chữa trường THCS Phú Lộc và trường THCS Phú Lộc 2		720	0,958		669		
37	Bảo dưỡng, sửa chữa trường THCS Thạnh Trị và trường THCS Châu Hưng		1.200	1,277		1.109		
38	Bảo dưỡng, sửa chữa Trường TH và THCS Tuấn Túc (điểm chính Trung Hoà), Trường TH và THCS Tuấn Túc (điểm lẻ Trung Thành)		1.020	1,133		947		
VI	Kinh phí sự nghiệp kinh tế khác	Ban QLDA	4.000	0,000	0,00	0	0,00	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025 được giao	Giải ngân đến ngày 05/06/2025	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Ước giải ngân đến 30/6/2025	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
39	Nâng cấp mở rộng chợ Vĩnh Lợi		4.000				Dự kiến đến ngày 30/6/2025 bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công	